

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TD
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10 tháng 7 năm 2020

“V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Đức Nghiệp;

- Bà Nguyễn Thị Nghi.

Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Phương Thùy- Thư ký Toà án nhân dân huyện TD.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: số 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp Hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu Th, sinh năm 1985 (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Phú Th1, sinh năm 1983 (có mặt).

Đều cư trú tại: Thôn H 1, xã Đạo T, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Trần Thị Thu Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Phú Th1 kết hôn ngày 30/11/2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chị tại Thôn H 1, xã Đạo T, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến tháng 01/2013 vợ chồng ở riêng. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, sau đó từ tháng 7/2013 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Th1 sống không có trách nhiệm với gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị đã có đơn xin ly hôn, nhưng anh Th1 không đồng ý ly hôn nên chị đã rút đơn ly hôn, đến tháng 02/2017 chị đi lao động tại Nhật, trong thời gian này vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Tháng 02/2020 chị về nước, do vợ chồng vẫn mâu thuẫn căng thẳng, nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị Th xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn theo quy định của pháp luật để ổn định cuộc sống nuôi con.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Phú H, sinh ngày 04/12/2011 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 02/02/2016, ly hôn chị Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu anh Th1 cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh Th1 không đồng ý chị đề nghị Tòa án giải quyết cho mỗi người nuôi một cháu, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay chị đang làm việc tại nhà hàng PQ, thu nhập mỗi tháng 10.000.000đ, chị có đủ điều kiện để nuôi các con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, đất canh tác, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Th giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Th1 vì thực sự tình cảm vợ chồng không còn, về con chung chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 02/02/2016, anh Th1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phú H, sinh ngày 04/12/2011, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn anh Nguyễn Phú Th1 trình bày: Anh đồng ý với ý kiến của chị Th về thời gian kết hôn và quá trình chung sống cũng như mâu thuẫn vợ chồng như chị Th trình bày trên là đúng. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do làm ăn kinh doanh thua lỗ. Anh Th1 xác nhận trước khi chị Th đi lao động tại Nhật do mâu thuẫn vợ chồng nên chị đã có đơn xin ly hôn và sau đó đã rút đơn. Từ năm 2017 chị Th đi lao động tại Nhật, vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Đầu năm 2020 chị Th về nước nhưng vợ chồng không chung sống cùng nhau, chị Th về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân đến nay.

Nay chị Th có đơn xin ly hôn, anh xét thấy mặc dù thực sự tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì các con còn nhỏ, anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung, nhưng nếu chị Th vẫn cương quyết xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn theo pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Phú H, sinh ngày 04/12/2011 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 02/02/2016, từ năm 2017 chị Th đi lao động tại Nhật, anh chị đã gửi các cháu cho ông bà nội (bố mẹ đẻ anh) là ông Nguyễn Phú Th2 và bà Đỗ Thị Minh H2 ở xóm TS 1, xã QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên trông nom giúp cho đến nay, do đó hiện nay hai cháu vẫn đang ở cùng ông bà nội. Nếu ly hôn quan điểm của anh muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu, không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện tại anh Th1 đang làm việc tại Công ty Tân PV ở tại xã Đạo T, huyện TD, Vĩnh Phúc, thu nhập là 9.000.000đ/tháng và làm thêm ngoài thu nhập khoảng 4.000.000đ/tháng. Do đó anh có đủ điều kiện để nuôi con.

Tài sản chung, tài sản riêng, vay nợ, đất canh tác, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Th1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn. Về con chung anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi hai cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 02/02/2016 và cháu Nguyễn Phú H, sinh ngày 04/12/2011, không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi vợ chồng ly hôn anh sẽ đón các cháu về nuôi dưỡng chăm sóc.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD phát biểu quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã

thực hiện đúng mọi trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với các đương sự đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị Thu Th được ly hôn anh Nguyễn Phú Th1. Về con chung: Giao cho chị Th trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 02/02/2016. Anh Th1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phú H, sinh ngày 04/12/2011, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về pháp luật áp dụng trong vụ án: Đây là vụ án tranh chấp “Hôn nhân và gia đình”, do đó pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình; Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Chị Trần Thị Thu Th và anh Nguyễn Phú Th1 kết hôn ngày 30/11/2009 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên. Do đó đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chị tại Thôn H 1, xã Đạo T, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Đến tháng 01/2013 vợ chồng ở riêng. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, từ tháng 7/2013 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị đã có đơn xin ly hôn, nhưng sau đó đã rút đơn. Tháng 02/2017 chị đi lao động tại Nhật, trong thời gian này vợ chồng không liên lạc gì với nhau. Tháng 02/2020 chị về nước, do vợ chồng vẫn mâu thuẫn căng thẳng, nên chị đã về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị Th xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn để ổn định cuộc sống nuôi các con. Anh Th1 cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh Th1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do đó xử cho chị Trần Thị Thu Th và anh Nguyễn Phú Th1 được ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Phú H, sinh ngày 04/12/2011 và cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 02/02/2016 (hiện nay hai cháu đang ở với anh). Vợ chồng ly hôn, anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của cháu Nguyễn Phú H, nguyện vọng của cháu Hưng muốn được ở với bố cháu là Nguyễn Phú Th1. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay anh chị đều có nơi ở ổn định, có việc làm và thu nhập ổn định, đều đủ điều kiện để nuôi con. Do đó giao cho chị Th trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 02/02/2016. Anh Th1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phú H, sinh ngày 04/12/2011, là phù hợp với nguyện vọng của cháu

Hung và phù hợp với quy định của pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung; tài sản riêng; vay nợ; công sức; đất canh tác: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chị Trần Thị Thu Th ly hôn anh Nguyễn Phú Th1

2. Về con chung: giao cho chị Trần Thị Thu Th trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 02/02/2016. Anh Nguyễn Phú Th1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phú H, sinh ngày 04/12/2011 (hiện nay hai cháu đang ở cùng anh Th1), hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung; tài sản riêng; vay nợ; công sức; đất canh tác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Thu Th phải chịu 300.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0003093 ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD (Chị Th đã nộp đủ án phí).

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Các đương sự;
- UBND xã QT;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; văn phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Thị Kim Dung